

NOTE: THIS FORM IS FOR INFORMATIONAL PURPOSES ONLY. DO NOT COMPLETE THIS FORM FOR FILING. USE THE ENGLISH VERSION OF THE AOC-CV-520 INSTEAD.  
LƯU Ý: MẪU NÀY CHỈ SỬ DỤNG VỚI MỤC ĐÍCH THAM KHẢO THÔNG TIN. KHÔNG ĐIỀN VÀ NỘP MẪU NÀY. SỬ DỤNG MẪU AOC-CV-520 BẰNG TIẾNG ANH ĐỂ THAY THẾ.

STATE OF NORTH CAROLINA  
TIỂU BANG NORTH CAROLINA

File No.  
Số Hồ Sơ:

In The General Court Of Justice  
District Court Division  
Tại Hệ Thống Tòa Án Công Lý  
Phân Bộ Tòa Án Khu Vực

County  
Quận/Hạt

Name Of Plaintiff/Victim  
Tên Nguyên Đơn/Nạn Nhân

Name Of Person Filing On Behalf Of Minor Or Incompetent Victim  
Tên Người Nộp Đơn Thay Mặt Cho Trẻ Vị Thành Niên hoặc Nạn Nhân Không Đủ Năng Lực Pháp Lý

Address Of Plaintiff/Victim (Use Alternative Address If Afraid To Give Physical Address)  
Địa Chỉ của Nguyên Đơn/Nạn Nhân (Ghi địa chỉ thay thế nếu không muốn khai ra địa chỉ nơi ở vì lo sợ)

VERSUS  
KIỆN

Name And Address Of Defendant  
Tên và Địa Chỉ Bị Đơn

COMPLAINT FOR  
NO-CONTACT ORDER  
FOR STALKING  
OR NONCONSENSUAL  
SEXUAL CONDUCT

ĐƠN KHIẾU TỐ XIN LỆNH  
CẤM TIẾP XÚC  
DO HÀNH VI RÌNH  
RẬP HOẶC TÌNH DỤC  
KHÔNG ĐƯỢC HƯỞNG ỨNG

G.S. 50C-2  
G.S. 50C-2

NOTE TO PLAINTIFF:

Do not use this form if the relationship between you or the person on whose behalf you are filing this complaint and the defendant is current or former spouse; persons of the opposite sex who live or have lived together; have a child in common, are related as parent and child or grandparent and grandchild, are current or former household members, or are persons of the opposite sex who are in a dating relationship or have been in a dating relationship. In that situation use "Complaint and Motion for Domestic Violence Protective Order," AOC-CV-303. Check only the boxes below that apply and fill in blanks. Additional sheets may be attached.

**NGUYÊN ĐƠN XIN LƯU Ý:** Không dùng mẫu này nếu quan hệ giữa quý vị hoặc người quý vị thay mặt điền đơn với bị đơn là: vợ/chồng hiện tại hay trước đây; người khác giới đã từng chung sống với nhau; có con chung; cha/mẹ với con cái hay ông/bà với cháu; những người sống trong cùng hộ gia đình hiện tại hay trước đây; hoặc là người khác giới đã hay đang có quan hệ hẹn hò với nhau. Nếu quý vị thuộc một trong các diện đó, xin điền "Đơn Khiếu Tố và Kiến Nghị Ra Lệnh Bảo Vệ Vi Bạo Lực Trong Gia Đình," AOC-CV-303. Xin chỉ đánh dấu vào các ô thích hợp dưới đây và điền vào các chỗ trống. Quý vị có thể đính kèm thêm trang nếu cần.

1.  The plaintiff resides  The defendant resides  The unlawful conduct occurred in this county.  
1.  Nguyên đơn sống ở  Bị đơn sống ở  Hành vi bất hợp pháp đã xảy ra ở quận/hạt này.
2. a.  I am a victim of unlawful conduct that occurred in North Carolina.  
2. a. Tôi là nạn nhân của các hành vi bất hợp pháp đã xảy ra ở North Carolina.
- b.  The plaintiff is a minor or incompetent adult who is a victim of unlawful conduct that occurred in North Carolina, and I am a competent adult who resides in North Carolina and am filing this complaint on the victim's behalf.  
b. Nguyên đơn là trẻ vị thành niên hoặc người trưởng thành không đủ năng lực pháp lý và là nạn nhân của các hành vi bất hợp pháp xảy ra ở North Carolina, và tôi là một người trưởng thành có năng lực pháp lý đang sống ở North Carolina và nộp đơn khiếu tố này thay mặt cho nạn nhân.
3. The defendant was 16 years of age or older at the time of the unlawful conduct.  
3. Bị đơn từ 16 tuổi trở lên hơn khi có hành vi bất hợp pháp đó.
4. The defendant has committed nonconsensual sexual conduct against the plaintiff in that: (Give specific dates and describe in detail what happened.)  
4. Bị đơn đã có hành vi tình dục không được hưởng ứng đối với nguyên đơn, cụ thể là: (Cho biết các ngày tháng cụ thể và miêu tả chi tiết vụ việc xảy ra.)

(Over)  
(Xem mặt sau)

5. The defendant has followed on more than one occasion or otherwise tormented, terrorized, or terrified the plaintiff named above with the intent to place the plaintiff in reasonable fear for the plaintiff's safety or the safety of the plaintiff's immediate family or close personal associates or with the intent to cause, and which did cause, the plaintiff to suffer substantial emotional distress by placing the plaintiff in fear of death, bodily injury, or continued torment or terror in that: *(Give specific dates and describe in detail what happened and how it placed the plaintiff in fear of safety or how it caused substantial emotional distress.)*
5. Bị đơn đã nhiều lần rình rập hoặc bằng cách khác đã dẫn vật, khủng bố hay gây sợ hãi cho nguyên đơn nêu trên với ý định khiến nguyên đơn phải lo sợ cho sự an toàn của bản thân, của chính gia đình mình hay của người quen thân hoặc với ý định gây ra, và thực sự đã gây ra sự đau khổ tinh thần đáng kể cho nguyên đơn vì khiến họ lo sợ bị chết, thương tích hoặc tiếp tục bị dẫn vật hay khủng bố, cụ thể là: *(cho biết các ngày tháng cụ thể, miêu tả chi tiết vụ việc xảy ra và vì sao việc này làm cho nguyên đơn lo sợ cho sự an toàn của mình hoặc gây đau khổ tinh thần đáng kể.)*

**Because Of These Acts Of Unlawful Conduct, The Plaintiff Requests That The Court Grant The Following Relief:  
Vì những hành vi bất hợp pháp nêu trên, nguyên đơn yêu cầu tòa án giúp đỡ bằng cách ban hành lệnh dưới đây:**

*(Check only boxes that apply.)*

*(Xin chỉ đánh dấu vào các ô thích hợp.)*

1. A permanent no-contact order. (A permanent order cannot last longer than one year.)  
1. Lệnh cấm tiếp xúc dài hạn. (Lệnh dài hạn có hiệu lực trong tối đa một năm.)
2. A temporary no-contact order. (A temporary order cannot last longer than ten days.)  
2. Lệnh cấm tiếp xúc tạm thời. (Lệnh tạm thời có hiệu lực trong tối đa mười ngày.)
3. The temporary order to be issued ex parte (without notice to the defendant) because the plaintiff will suffer immediate injury, loss, or damage before the defendant can be heard in that: *(explain)*  
3. Lệnh tạm thời đơn phương (không thông báo cho bị đơn) bởi vì nguyên đơn sẽ có nguy cơ tức thì bị chấn thương, mất mát hay thiệt hại nếu phải chờ bị đơn trình bày với tòa, cụ thể là vì: *(giải thích)*

**AND  
VÀ**

*(If you checked Block 3 above check a. or b. below.)*

*(Nếu quý vị đánh dấu vào câu số 3 trên đây, xin chọn a. hoặc b. dưới đây.)*

- a. I certify that I have made the following efforts, if any, to give notice to the defendant and give the following reasons supporting why notice should not be required: *(explain)*  
a. Tôi xác nhận rằng tôi đã nỗ lực theo những cách sau đây để thông báo cho bị đơn (nếu có) và cũng xin trình bày cho tòa những lý do sau đây để giải thích vì sao không nên bắt buộc có việc thông báo đó: *(giải thích)*
- b. I certify that there is good cause to grant the remedy because the harm that the remedy is intended to prevent would likely occur if the defendant were given any prior notice of the request for relief in that: *(Give specific reasons why harm would occur if prior notice were given to defendant.)*  
b. Tôi xác nhận rằng có lý do chính đáng để tòa ra lệnh cấm tiếp xúc này, bởi vì tôi rất có thể trở thành nạn nhân của các hành vi mà án lệnh sẽ cấm nếu bị đơn được thông báo trước về việc xin lệnh này, cụ thể là: *(Cho biết những lý do cụ thể vì sao nguyên đơn có thể bị hại nếu bị đơn được thông báo trước.)*
4. To order the defendant not to visit, assault, molest or otherwise interfere with the plaintiff.  
4. Lệnh cấm bị đơn đến thăm, hành hung, quấy rầy hay bằng cách khác làm phiền cho nguyên đơn.
5. To order the defendant to stop stalking the plaintiff.  
5. Lệnh cấm bị đơn rình rập nguyên đơn.
6. To order the defendant to cease harassment of the plaintiff  
6. Lệnh cấm bị đơn quấy nhiễu nguyên đơn.
7. To order the defendant not to abuse or injure the plaintiff.  
7. Lệnh cấm bị đơn ngược đãi hay gây hại cho nguyên đơn.

(Over)  
(Xem mặt sau)

8. To order the defendant not to contact, by telephone, written communication, or electronic means, the plaintiff.  
8. **Lệnh cấm bị đơn liên lạc qua điện thoại, thư viết hay phương tiện điện tử với nguyên đơn.**
9. To order the defendant to refrain from entering or remaining present at the plaintiff's residence, school, place of employment, or other places specified.  
9. **Lệnh cấm bị đơn đi vào hay ở lại trong chỗ ở, trường học, nơi làm việc của nguyên đơn hoặc những nơi khác được ghi dưới đây.**

List Other Places Where You Want Defendant Ordered Not To Be  
Quý vị muốn tòa cấm bị đơn đến những nơi khác được liệt kê dưới đây

10. Other: (specify)  
10. **Lệnh khác: (cho biết cụ thể)**

Date (mm/dd/yyyy) Ngày (tháng/ngày/năm)	Signature Of Person Filing Complaint Chữ ký của người nộp đơn khiếu tố
--	---

**VERIFICATION  
XÁC NHẬN**

I, the undersigned, being first duly sworn, say that I am the plaintiff in this action; that I have read the Complaint and Motion; that the matters and things alleged in the Complaint and Motion are true except as to those things alleged upon information and belief and as to those I believe them to be true and accurate.

Tôi, người ký tên dưới đây và đã tuyên thệ theo đúng thủ tục luật pháp, xác nhận rằng tôi là nguyên đơn trong vụ này; rằng tôi đã đọc Đơn Khiếu Tố và Kiến Nghị này; rằng những vụ việc được nêu trong Đơn Khiếu Tố và Kiến Nghị này là đúng sự thật theo sự hiểu biết trực tiếp của tôi, còn những việc khai ra căn cứ vào sự hiểu biết gián tiếp thì tôi cũng tin tưởng là đúng sự thật và chính xác.

**SWORN/AFFIRMED AND SUBSCRIBED TO BEFORE ME  
TUYÊN THỆ/XÁC NHẬN VÀ KÝ TÊN TRƯỚC MẶT TÔI**

Date (mm/dd/yyyy)  
Ngày (tháng/ngày/năm)

Date (mm/dd/yyyy) Ngày (tháng/ngày/năm)	Signature Chữ ký	Signature Of Person Signing Complaint Chữ ký của người ký đơn khiếu tố
--	---------------------	---

- |  |  |   |
|--|--|---|
| <input type="checkbox"/> Deputy CSC<br>Phó LSTTT       | <input type="checkbox"/> Clerk Of Superior Court<br>Lục Sự Tòa Thượng Thẩm | <input type="checkbox"/> District Court Judge<br>Thẩm Phán Tòa An Khu Vực |
| <input type="checkbox"/> Assistant CSC<br>Phụ Tá LSTTT | <input type="checkbox"/> Designated Magistrate<br>Quan Tòa Được Chỉ Định   |   |

Name Of Person Filing Complaint (Type Or Print)  
Tên của người nộp đơn khiếu tố (đánh máy hay viết chữ in)

- Notary  
Công Chứng Viên
- Date My Commission Expires (mm/dd/yyyy)  
Thời hạn nhiệm vụ của tôi sẽ hết vào ngày (tháng/ngày/năm)

**SEAL  
ĐÓNG DẤU**

County Where Notarized  
Quận/hạt nơi đóng dấu công chứng